

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HS-ST  
Ngày 18 - 01 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Tô Văn Thịnh

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Ngọc Quang

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1964, tại **huyện Y, tỉnh Ninh Bình**. Nơi cư trú: **xóm F, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp khi thực hiện hành vi phạm tội: Chủ tịch **Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; là đảng viên **Đ1** đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định đình chỉ sinh hoạt số: 71-QĐ/UBKTHU ngày 08/01/2024 của **Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Y**; trình độ văn hoá 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Chí H1** và bà **Đinh Thị T** (đã chết); có vợ **Vũ Thị D** và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. **Hoàng Văn C**, sinh năm 1972, tại **huyện Y, tỉnh Ninh Bình**. Nơi cư trú: **xóm G, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp khi thực hiện hành vi phạm tội: Giám đốc **Công ty TNHH MTV T14**; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Văn S** và bà **Ngô Thị H2** (đã chết); có vợ **Hoàng Hải V** và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 16 ngày 16/6/1994 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xử phạt **Hoàng Văn C** 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo đã chấp hành xong bản án; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. **Bùi Thị Thanh H3**, sinh năm 1988, tại **huyện N, tỉnh Ninh Bình**. Nơi

cư trú: **phố T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp khi thực hiện hành vi phạm tội: Công chức tài chính - kế toán **Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; là đảng viên **Đ1** đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số: 73-QĐ/UBKTHU ngày 08/01/2024 của **Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Y**; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Mạnh H4** và bà **Vũ Thị H5**; có chồng **Đinh Văn L** và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. **Mai Anh T1**, sinh năm 1985, tại **huyện Y, tỉnh Ninh Bình**. Nơi cư trú: **xóm Đ, thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp khi thực hiện hành vi phạm tội: chuyên viên Ủy ban kiểm tra **huyện ủy Y, tỉnh Ninh Bình**; là đảng viên **Đ1** đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số: 72-QĐ/UBKTHU ngày 08/01/2024 của **Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Y**; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Mai Đức V1** và bà **Phạm Thị B**; có vợ **Phạm Thị T2** và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. **Tổng Như N**, sinh năm 1969, tại **huyện Y, tỉnh Ninh Bình**. Nơi cư trú: **phố P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp khi thực hiện hành vi phạm tội: Giám đốc **Công ty TNHH T15**; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Tổng Như T3** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị H6**; có vợ **Bùi Thị Xuân L1** và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: **Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình**, địa chỉ: **phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Thái S1**, chức vụ: Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình**. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị Thanh H7**, chức vụ: Chuyên viên Phòng tài chính - Kế hoạch **Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình** - theo Văn bản ủy quyền số: 2136/UBND-VP ngày 19/10/2023 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Đinh Xuân T4**, sinh năm 1960; nơi cư trú: **xóm E, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt).

2. Ông **Phạm Thúc K**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **xóm Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh **Mai Tiến T5**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **xóm Đ, thôn B, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Anh **Tạ Văn Q**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **đội D, thôn T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (có mặt).
5. Anh **Đình Văn C1**, sinh năm 1975; nơi cư trú: **xóm G, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (có mặt).
6. Ông **Hoàng Ngọc H8**, sinh năm 1960; nơi cư trú: **xóm B, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (có mặt).
7. Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1966; nơi cư trú: **xóm C, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (có mặt).
8. Ông **Vũ Văn T6**, sinh năm 1963; nơi cư trú: **xóm A, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** (có mặt).
9. Chị **Vũ Thị H9**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **thôn C, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Trên cơ sở kết quả điều tra vụ án đã xác định được như sau:**

**Nguyễn Văn H** nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) **xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2021. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến 2021 với chức trách nhiệm vụ được giao là Chủ tịch **UBND xã M**, **H** là đại diện chủ đầu tư của nhiều dự án đầu tư công trình xây dựng tại xã. **H** đã lợi dụng chức vụ quyền hạn thực hiện nhiều hành vi sai phạm rút tiền ngân sách chi tiêu cho cá nhân và tập thể gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền **591.267.000 đồng**. Cụ thể như sau:

#### **1. Đối với công trình xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.**

Công trình xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - **UBND xã M** được **UBND xã M** phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 với tổng mức đầu tư là **9.902.560.000 đồng** (từ nguồn vốn ngân sách huyện, ngân sách xã và nguồn vốn huy động hợp pháp khác). Công trình được khởi công từ ngày 08/3/2017 đến đầu năm 2018 được UBND xã nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng và phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 09/8/2019.

Các đơn vị mà **UBND xã M** đã ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán chi phí cho các gói thầu gồm:

- Đơn vị lập báo cáo kinh tế kỹ thuật là **Công ty TNHH D3** do ông **Đậu H10** Đoàn làm Giám đốc, theo Hợp đồng số 01/2017/HĐ-TV ngày 02/01/2017 với giá trị hợp đồng là 254.099.000 đồng, đã được nghiệm thu giá trị 254.099.000 đồng, đã thanh toán 221.000.000 đồng.

- Đơn vị tư vấn quản lý dự án là UBND xã M, được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 với giá trị quản lý dự án: 91.038.000 đồng, đã được nghiệm thu giá trị 91.038.000 đồng và thanh toán 91.000.000 đồng.

- Đơn vị tư vấn giám sát là Công ty TNHH T16 (viết tắt là Công ty T15) do Tổng Như N làm Giám đốc, theo Hợp đồng số 20/2017/HĐTVGS ngày 05/3/2017 với giá trị hợp đồng: 209.992.000 đồng, đã được nghiệm thu giá trị 208.537.000 đồng và thanh toán 208.000.000 đồng.

- Đơn vị thi công xây lắp công trình là Công ty TNHH MTV T14 (viết tắt Công ty T14) do Hoàng Văn C làm Giám đốc, theo Hợp đồng số 02/HĐXD ngày 06/3/2017 với giá trị hợp đồng: 8.701.421.000 đồng, đã được nghiệm thu giá trị 8.213.510.000 đồng và thanh toán 8.213.500.000 đồng.

Quá trình thực hiện dự án, Nguyễn Văn H có các hành vi sai phạm như sau:

### ***1.1. Lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng.***

Sau khi UBND xã M có Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình, UBND xã tiến hành trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu, gồm lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu thi công xây lắp và gói thầu tư vấn giám sát. Mặc dù biết rõ Công ty TNHH MTV T14 (gọi tắt là Công ty T14) không có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lĩnh vực thi công xây dựng dân dụng, Công ty TNHH D3 và Công ty T15 không có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lĩnh vực giám sát xây dựng dân dụng, nhưng ngày 05/02/2017 Nguyễn Văn H vẫn ký quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu xây lắp và Công ty T14 là đơn vị trúng thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/3/2017 về việc chỉ định đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng và Công ty T15 trúng thầu theo hình thức chỉ định thầu rút gọn; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2017 về việc chỉ định đơn vị lập báo cáo kinh tế, kỹ thuật - dự toán và Công ty D3 trúng thầu theo hình thức chỉ định thầu rút gọn.

### ***1.2 Lập Ban quản lý dự án trái quy định của Luật Xây dựng 2014 để nghiệm thu, thanh toán chi phí quản lý dự án rút ngân sách Nhà nước số tiền 91.000.000 đồng chỉ cho các cá nhân là thành viên của Ban quản lý.***

Sau khi công trình được phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, mặc dù biết rõ dự án có mức đầu tư 9.902.560.000 đồng và UBND xã không đủ điều kiện được thành lập Ban quản lý dự án mà phải ký hợp đồng thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực thực hiện quản lý dự án; cán bộ,

công chức của UBND xã không có chuyên môn phù hợp, không có kinh nghiệm và chứng chỉ hành nghề quản lý dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp, nhưng ngày 27/02/2017 Nguyễn Văn H vẫn ký Quyết định số 08/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý dự án công trình. Ban quản lý dự án thành lập gồm 07 thành viên, trong đó Nguyễn Văn H là Trưởng ban; các thành viên gồm: ông Vũ Văn T6 - Bí thư Đảng uỷ, ông Hoàng Ngọc H8 - Phó Bí thư thường trực, ông Đinh Văn C1 - Phó Chủ tịch UBND xã, ông Lê Văn M - Phó Chủ tịch HĐND xã, ông Đinh Xuân T4 - công chức địa chính xây dựng, bà Vũ Thị H9 - Kế toán xã. Nhiệm vụ của Ban quản lý dự án nêu trong quyết định thành lập là: theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo thi công công trình theo đúng tiến độ, đúng với thiết kế, dự toán đã được phê duyệt, nghiệm thu khối lượng hoàn thành, thanh quyết toán khối lượng hoàn thành theo đúng quy định. Quá trình thi công công trình, do đã có đơn vị tư vấn giám sát thực hiện việc kiểm tra giám sát thi công nên các thành viên Ban quản lý không thực hiện việc kiểm tra, giám sát thi công.

Sau khi công trình được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Y thông báo kết quả thẩm định quyết toán, UBND xã M ra Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoàn thành, trong đó xác định chi phí quản lý dự án là 91.038.000 đồng. Tháng 10/2019, sau khi có nguồn ngân sách được UBND huyện Y phân bổ cho công trình, Nguyễn Văn H chỉ đạo Bùi Thị Thanh H3 - Công chức tài chính kế toán xã (H3 đến nhận công tác từ tháng 9/2018) thực hiện làm thủ tục lập hồ sơ thanh toán chi phí quản lý dự án của công trình cho Ban quản lý với số tiền 91.000.000 đồng. Hồ sơ do H3 lập gồm: Giấy rút vốn đầu tư, giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, tờ trình thanh toán vốn đầu tư, quyết định thành lập Ban quản lý dự án, danh sách phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án của các thành viên trong Ban quản lý. Số tiền này H chỉ đạo H3 cùng với Đinh Xuân T4 lập danh sách phát cho 07 thành viên Ban quản lý dự án. H3 căn cứ vào hệ số lương để tính mức phụ cấp cho từng thành viên, trong đó: Nguyễn Văn H được hưởng 14.535.000 đồng, Đinh Xuân T4 hưởng 10.390.000 đồng, Vũ Văn T6 hưởng 16.117.000 đồng, Hoàng Ngọc H8 hưởng 13.150.000 đồng, Lê Văn M hưởng 12.804.000 đồng, Đinh Văn C1 hưởng 11.307.000 đồng, Vũ Thị H9 hưởng 12.705.000 đồng. Danh sách các thành viên nhận tiền và ký xác nhận được H3 lưu lại làm chứng từ chi tại bộ phận tài chính - kế toán.

**1.3. Nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình không chính xác về khối lượng và giá trị thi công, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 277.184.000 đồng.**

Công trình do Công ty TNHH T14 (giám đốc Công ty là Hoàng Văn C) thi công xây lắp. Để thiết lập hồ sơ dự thầu tham gia đấu thầu, C đã thuê Phạm Thúc K khi đó đang là Chủ tịch Hội nông dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là



người có chuyên môn về hoạt động xây dựng lập biện pháp thi công, còn hồ sơ nhân sự Công ty C3 thuê một người tên D1 ở huyện Y, tỉnh Ninh Bình (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nhà D1 ở đâu) thiết lập. D1 đã đưa vào hồ sơ thông tin về nhân sự chủ chốt, trong đó vị trí Chỉ huy trưởng công trường là Bùi Văn H11 ở xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có bằng Đại học K1, đã được cấp chứng chỉ Chỉ huy trưởng công trường. Nhưng trên thực tế người có tên Bùi Văn H11 nêu trên không phải là nhân viên công ty cũng không ký hợp đồng tham gia công việc gì cho Công ty T14. Người trực tiếp chỉ huy tại công trường và quản lý công trình là anh Hoàng Ngọc T7, sinh năm 1982 là nhân viên công ty của C. Anh T7 tham gia công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

Đối với Công ty T15, Giám đốc là Tổng Như N thực hiện gói thầu tư vấn giám sát đối với công trình. N trực tiếp lập hồ sơ dự thầu, trong hồ sơ nhân sự Công ty N1 đưa thông tin về lý lịch và trình độ năng lực của cán bộ chủ chốt, trong đó vị trí cán bộ phụ trách về kỹ thuật là Trần Minh D2 sinh năm 1981, trú tại xã T, huyện H, Ninh Bình, tốt nghiệp Đại học kiến trúc Hà Nội, được cấp chứng chỉ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tuy nhiên trên thực tế, việc giám sát thi công Tổng Như N giao cho 02 nhân viên công ty là Tạ Anh T8, Lê Văn T9 đều ở xã Y, huyện Y thực hiện. Còn anh Trần Minh D2 không ký hợp đồng với Công ty T15 NB, không tham gia bất cứ hoạt động gì liên quan đến công trình xây dựng, chỉ cho N mượn bằng cấp, chứng chỉ tư vấn giám sát thi công xây dựng để làm hồ sơ năng lực thành lập Công ty.

Đối với Nguyễn Văn H, để thực hiện vai trò của chủ đầu tư đối với công trình, H phân công Đinh Xuân T4 sinh năm 1960 là công chức địa chính xã thực hiện kiểm tra, đôn đốc, giám sát thi công tại hiện trường. T4 thực hiện công việc từ tháng 03/2017 đến tháng 8/2017 thì xin nghỉ chữa bệnh ung thư tại Bệnh viện đa khoa tỉnh N. Trong thời gian này, Trịnh chỉ trực tiếp tham gia giám sát và nghiệm thu đối với các phần việc ban đầu như: đào móng, đóng cọc, bê tông, làm sắt phần móng, sắt sàn mái các tầng, còn lại các hạng mục phần việc từ tháng 8/2017 đến khi công trình hoàn thiện T4 đã xin nghỉ chữa bệnh không tham gia giám sát thi công cũng như không trực tiếp nghiệm thu.

Quá trình thi công công trình ở giai đoạn hoàn thiện, Nguyễn Văn H và Hoàng Văn C đã thống nhất thực hiện thi công một số hạng mục không đúng so với hồ sơ thiết kế, dự toán bao gồm:

- + Phần lát gạch các tầng: theo hồ sơ thiết kế dự toán lát gạch kích thước 60x60 cm nhưng thực tế thi công lát gạch kích thước 50 x 50 cm
- + Dốc sảnh, tam cấp sảnh chính: theo hồ sơ thiết kế, dự toán phần dốc sảnh và phần tam cấp sảnh chính được lát đá Granit nhưng thực tế thi công phần

đốc sành sử dụng gạch lá dừa kích thước 20 x 20cm, còn phần tam cấp sành chính thì công trát Granito.

+ *Tay vịn lan can các tầng*: theo hồ sơ thiết kế, dự toán phần tay vịn lan can các tầng được trát Granitô nhưng thực tế thi công chỉ trát vữa xi măng và sơn mặt ngoài.

+ *Mái tôn*: theo thiết kế là tôn múi, sóng vuông màu đỏ dày 0,45 mm, nhưng thực tế thi công là tôn dày 0,3 mm.

+ *Xây tường sênô mái*: trong hồ sơ thiết kế, dự toán, hợp đồng thi công đã ký thì khối lượng sênô mái bị tính thừa 1.000m chiều dài.

Công trình được nghiệm thu 04 lần, gồm nghiệm thu giai đoạn 1 vào 18/4/2017; nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn 2 vào ngày 24/11/2017; nghiệm thu khối lượng phát sinh vào ngày 10/10/2017; nghiệm thu khối lượng hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 28/11/2017. Các biên bản nghiệm thu thể hiện đúng như hồ sơ thiết kế, dự toán và hợp đồng thi công, có đầy đủ chữ ký xác nhận của chủ đầu tư, đơn vị thi công và đơn vị giám sát.

Công trình thi công đến ngày 27/11/2017 thì hoàn thành đưa vào sử dụng. Tháng 01/2018 để thực hiện việc thanh toán các hạng mục đã thi công, C đưa hồ sơ thiết kế và dự toán thuê Phạm Thúc K thiết lập các hồ sơ: quản lý chất lượng, nhật ký thi công công trình, nhật ký ép cọc, và thuê người tên D2 thiết lập hồ sơ quyết toán khối lượng hoàn thành.

Khi thiết lập các hồ sơ, Phạm Thúc K yêu cầu C cung cấp tên của những người tham gia công trình để đưa vào thành phần trong các hồ sơ, trong đó: cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư là Đinh Xuân T4, cán bộ kỹ thuật của đơn vị giám sát là Trần Minh D2, cán bộ kỹ thuật của đơn vị thi công là Bùi Văn H11. Hồ sơ quản lý chất lượng gồm các phiếu yêu cầu nghiệm thu công việc của đơn vị thi công, các biên bản nghiệm thu nội bộ, các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng được thực hiện từ tháng 3/2017 đến tháng 11/2017, thể hiện nội dung nghiệm thu các phần việc đảm bảo theo yêu cầu thiết kế, dự toán đã phê duyệt.

Để hoàn hiện các hồ sơ này Hoàng Văn C đã nhờ Phạm Thúc K ký tên H11 vào mục “Cán bộ kỹ thuật của nhà thầu thi công” mang tên Bùi Văn H11. Cầm không nói cho K biết Bùi Văn H11 chỉ là tên trong hồ sơ nhân sự, và người này không tham gia hoạt động xây dựng tại công trình, mọi hoạt động chỉ đạo thi công đều do một mình Cầm thực hiện. Còn thành phần “cán bộ kỹ thuật của tư vấn giám sát” mang tên Trần Minh D2, C đã nhờ một người là công nhân thi công xây dựng (không xác định nhân thân, lai lịch) ký tên D2 vào tất cả các mục trong hồ sơ quản lý chất lượng, nhật ký thi công và nhật ký ép cọc.

Đối với hồ sơ thanh toán, quyết toán khối lượng hoàn thành do D2 lập gồm có: bảng tính giá trị đề nghị thanh toán; bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn

thành; biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng. **Hoàng Văn C** sau khi ký tên, đóng dấu Công ty vào các biên bản đã đưa cho **Nguyễn Văn H** ký đại diện chủ đầu tư, **Tổng Như N** ký tư vấn giám sát. Riêng biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng, ngoài chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát, **C** còn xin chữ ký của các thành phần gồm: trưởng Ban giám sát cộng đồng là ông **Lê Văn M** (phó Chủ tịch **HĐND xã M**); ông **Đậu Huy Đ** - Giám đốc công ty **T17**; anh **Hoàng Ngọc T7** - phụ trách kỹ thuật của tổ thi công; anh **Đinh Xuân T4** - cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư. Để có chữ ký của **Đinh Xuân T4**, thời điểm tháng 11/2018 khi **T4** đang nghỉ chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, **C** đã đến Bệnh viện mang theo toàn bộ hồ sơ liên quan đến công trình nhờ **T4** ký vào các mục “cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư” để hoàn thiện hồ sơ, mặc dù không tham gia hoạt động giám sát thi công hoặc nghiệm thu trong thời gian nghỉ chữa bệnh nhưng **Đinh Xuân T4** vẫn ký xác nhận vào toàn bộ tài liệu, hồ sơ Cầm đưa.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường tại công trình, xác định một số hạng mục thực tế thi công không đúng với thiết kế, hồ sơ dự toán đã được phê duyệt. Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị **Công ty TNHH Đ2** là đơn vị tư vấn độc lập thực hiện tính toán xác định giá trị đã thi công và giá trị đã nghiệm thu, thanh toán không đúng thực tế thi công đối với công trình. Kết quả tính toán xác định: Giá trị thực tế thực hiện của công trình tổng cộng là 8.612.070.000 đồng, giá trị đã nghiệm thu, quyết toán là 8.957.792.000 đồng, giá trị đã thanh toán là 8.825.118.000 đồng. Tổng giá trị nghiệm thu không đúng thực tế là 345.721.000 đồng (gồm xây lắp là 326.004.000 đồng, quản lý dự án là 10.372.000 đồng, tư vấn giám sát là 9.345.000 đồng).

Chi phí xây lắp **Công ty T14** đã chiếm hưởng trái quy định là 326.004.000 đồng, bao gồm các phần việc:

- Lát nền, sàn gạch Ceramic KT 60 x 60 cm được nghiệm thu 346.383.790 đồng, thực tế thi công sử dụng gạch Ceramic KT 50 x 50 cm có giá trị 278.613.377 đồng, chênh lệch 67.770.413 đồng;

- Lát đá Granit dốc sảnh, tam cấp được nghiệm thu quyết toán 220.323.985 đồng, thực tế thi công dốc sảnh được lát bằng gạch lá dừa có giá trị 29.455.596 đồng còn lại lát đá có giá trị 114.549.039 đồng; phần tam cấp sảnh chính trát **G** có giá trị 1.203.628 đồng, chênh lệch 75.115.722 đồng, ngoài ra trong hồ sơ phát sinh có phần việc gạch lá dừa dốc sảnh giá trị 17.013.000 đồng. Tổng số tiền chênh lệch từ phần việc này là 92.129.000 đồng;

- Trát granito tay vịn lan can, cầu thang được nghiệm thu giá trị 82.954.781 đồng, thực tế thi công là trát vữa xi măng có giá trị 13.753.345 đồng và sơn mặt ngoài có giá trị 5.354.062 đồng, chênh lệch 63.847.374 đồng.



- Tôn mái bằng tôn múi có chiều dày 0,45mm được nghiệm thu 112.334.211 đồng, thực tế thi công sử dụng tôn múi chiều dày 0,3mm có giá trị 66.619.662 đồng, chênh lệch 45.714.549 đồng.

- Xây tường sênô mái: trong hồ sơ thiết kế, dự toán, hợp đồng thi công đã ký thì khối lượng sênô mái bị tính thừa 1.000m chiều dài nhưng không được phát hiện và vẫn nghiệm thu, quyết toán khối lượng tính thừa này. Giá trị tương ứng với khối lượng sênô mái tính thừa là 56.544.000 đồng.

Ngày 20/12/2022 Cơ quan điều tra trung cầu Tổ giám định tư pháp theo vụ việc thuộc **Sở Xây dựng tỉnh N** giám định lĩnh vực xây dựng đối với công trình.

Tại Kết luận giám định số 01/KL-CT ngày 09/01/2023 của Tổ giám định và biên bản làm việc ngày 16/03/2023 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, **Công ty Đ2** và Tổ giám định đã kết luận:

+ Giá trị thực tế đã thi công xây lắp tại hiện trường đối với các phần việc như dúc sảnh, bậc tam cấp sảnh chính, tay vịn lan can, lát gạch nền các tầng, tôn mái, xây tường thẳng bằng gạch chỉ, theo hồ sơ tính toán của **Công ty Đ2** là phù hợp.

+ Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Điều 137, khoản 1: Thanh toán, quyết toán dự án đầu tư xây dựng: “1. Việc thanh toán, quyết toán dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vốn đầu tư. Chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán trong hồ sơ thanh toán”.

Theo đó, việc chủ đầu tư - **UBND xã M** thực hiện nghiệm thu, thanh toán cho đơn vị thi công, đơn vị tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công trong khi công trình thi công sai thiết kế, dự toán và hợp đồng đối với một số hạng mục, phần việc của công trình trụ sở Đảng ủy - HĐND - **UBND xã M** là vi phạm khoản 1, Điều 137 Luật Xây dựng năm 2014.

+ Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 tại Điều 12, khoản 7: Các hành vi bị nghiêm cấm: “7. Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng”. Tại Điều 12, khoản 6: Các hành vi bị nghiêm cấm: “Nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng khi không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng”. Tại Điều 62, khoản 4: Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng “4. Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện năng lực để quản lý thực hiện dự án cải tạo, sửa chữa quy mô nhỏ, dự án có sự tham gia của cộng đồng”. Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Điều 21, khoản 1: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án “1. Chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực

thuộc để trực tiếp quản lý đối với dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình xây dựng quy mô nhỏ có tổng mức đầu tư dưới 05 (năm) tỷ đồng, dự án có sự tham gia của cộng đồng và dự án có tổng mức đầu tư dưới 02 (hai) tỷ đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư”.

Theo đó, UBND xã M thành lập Ban quản lý dự án để tự thực hiện quản lý dự án đối với công trình trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M là không đúng với quy định của Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; vi phạm quy định tại khoản 6, 7, Điều 12; khoản 4, Điều 62 Luật Xây dựng; vi phạm khoản 1, Điều 21 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

+ Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Điều 12, khoản 7: Các hành vi bị nghiêm cấm: “7. Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng”.

Theo đó, việc UBND xã M ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV T14, Công ty TNHH D3 và Công ty TNHH T15 trong khi các đơn vị chưa được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với công trình là vi phạm quy định tại khoản 7, Điều 12 Luật Xây dựng năm 2014.

Trong tổng chi phí xây lắp đã nghiệm thu không đúng thực tế thi công được xác định là 326.004.000 đồng, có phần việc xây tường sênô mái được xác định nguyên nhân do đơn vị tư vấn thiết kế tính sai, nhầm lẫn về số học: thực tế thiết kế chỉ có 115,8 m nhưng đơn vị tư vấn lại đưa vào trong công thức tính nhầm thành 1.115,8 m (nhầm 1000m), đơn vị thẩm định thiết kế cũng như đơn vị thẩm định quyết toán không phát hiện ra. Mặt khác, trong quá trình triển khai dự án thì đơn vị tư vấn giám sát, chủ đầu tư và bản thân đơn vị thi công cũng không phát hiện ra sai sót này, vẫn thực hiện quyết toán theo số liệu trên. Vì vậy, đây không phải lỗi cố ý của chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát mà là lỗi của đơn vị tư vấn thiết kế nên không thể tính thiệt hại do các đơn vị này gây ra nên không xem xét trách nhiệm hình sự. Khối lượng xây tính thừa là 33m<sup>3</sup>; nhân với đơn giá xây tính cho 1m<sup>3</sup> là 1.713.444 đồng thành tiền là 56.543.652 đồng. Do đó, tổng giá trị chi phí xây lắp Công ty T14 được hưởng trái quy định gây thiệt hại cho Nhà nước là  $326.004.000 - 56.543.652 = 269.460.000$  đồng. Ngoài ra, trong tổng số tiền đơn vị tư vấn giám sát là Công ty T15 (giám đốc là Tổng Như N) đã được nghiệm thu và thanh toán thì Công ty này được hưởng trái quy định theo tỷ lệ từ việc giám sát thi công khối lượng không đúng thực tế nêu trên là 7.724.000 đồng. Do đó, tổng số tiền Nguyễn Văn H, Hoàng Văn C và Tổng Như N gây thiệt hại cho Nhà nước là  $269.460.000 + 7.724.000 = 277.184.000$  đồng.

Như vậy: Mặc dù Nguyễn Văn H biết một số hạng mục Chăm chỉ đạo thi công không đúng với hồ sơ thiết kế, dự toán đã được phê duyệt nhưng không

yêu cầu làm hồ sơ điều chỉnh bổ sung theo thực tế thi công mà vẫn cùng với **Hoàng Văn C** lập biên bản nghiệm thu công trình theo hồ sơ thiết kế, dự toán và hợp đồng đã ký với đơn vị thi công. Hành vi sai phạm của **Nguyễn Văn H**, **Hoàng Văn C** và **Tổng Như N** trong quá trình thi công xây lắp, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - **UBND xã M** đã gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền là **368.184.000 đồng** (277.184.000 đồng + 91.000.000 đồng). Vi phạm khoản 6, khoản 7 Điều 4; khoản 7 Điều 12; khoản 3 Điều 123; khoản 1 Điều 137; 148; Điều 152 Luật Xây dựng; Nghị định số 59/2015 ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Điều 20 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về hợp đồng xây dựng.

## **2. Đối với công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu đấu giá giá trị quyền sử dụng đất xã M (Hạng mục: đường giao thông, rãnh thoát nước).**

Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu đấu giá giá trị quyền sử dụng đất **xã M** được **UBND huyện Y** phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán xây dựng theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 với tổng mức đầu tư là 1.965.128.000 đồng từ nguồn vốn đấu giá đất; Công trình được khởi công ngày 02/11/2016 đến tháng 12/2016 hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, đã được **UBND huyện Y** phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 15/01/2017 với giá trị phê duyệt quyết toán là 1.890.260.000 đồng; số tiền đã thực hiện thanh toán qua Kho bạc là 1.836.900.000 đồng.

**UBND xã M** đã ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán các chi phí cho những đơn vị sau:

- Đơn vị khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật là **Công ty cổ phần T18** (viết tắt là **Công ty T18**) do **Vũ Văn T10** làm Giám đốc, theo Hợp đồng số 03/HĐ-TVXD ngày 28/4/2016 với giá trị là 63.416.000 đồng. Đã được nghiệm thu giá trị là 63.416.000 đồng và thanh toán 63.000.000 đồng.

- Đơn vị thi công xây lắp công trình là **Công ty TNHH K2** (viết tắt **Công ty K2**) do **Tạ Văn Q** làm Giám đốc, theo Hợp đồng số 09/HĐ-XL ngày 01/11/2016 với giá trị hợp đồng: 1.797.363.000 đồng. Đã được nghiệm thu giá trị 1.797.363.000 đồng và thanh toán 1.727.000.000 đồng.

- Đơn vị tư vấn quản lý dự án là **UBND xã M**, được thành lập theo Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 với giá trị quản lý dự án: 36.176.000 đồng; Đã được nghiệm thu giá trị 21.706.000 đồng và thanh toán 21.700.000 đồng.

- Đơn vị tư vấn giám sát là Tổ giám sát xây dựng **xã M**, được thành lập theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 với giá trị giám sát xây dựng là 42.085.000 đồng đã được nghiệm thu giá trị là 25.251.000 đồng và thanh toán 25.200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Trong quá trình thực hiện thi công công trình, Công ty K2 đã thực hiện không đúng so với hợp đồng, hồ sơ dự toán, hồ sơ thiết kế được phê duyệt đối với các phần việc gồm:

- Chiều dài tuyến rãnh thoát nước theo hồ sơ thiết kế, dự toán và quyết toán là 156,5m tuy nhiên thực tế đo đạc thi công dài 154,78m (thiếu 1,72m).
- Khối lượng trong hồ sơ thiết kế, dự toán và quyết toán tính toán riêng phần đổ bê tông mặt đường đối với tuyến 2 là 4,5 m, thực tế đo đạc chỉ là 3,5 m.
- Chiều dày tính từ mặt tự nhiên đến mặt đường bê tông theo hồ sơ thiết kế là 2,5 m tuy nhiên thực tế thi công là 2,4m (thiếu 0,1 m);

Cơ quan điều tra đã đề nghị đơn vị tư vấn độc lập là Công ty TNHH Đ2 tham gia khám nghiệm hiện trường và thực hiện tính toán xác định giá trị đã thi công, giá trị đã nghiệm thu, quyết toán không đúng với thực tế đối với công trình này; đồng thời tiến hành trưng cầu Tổ giám định tư pháp theo vụ việc thuộc Sở Xây dựng tỉnh N giám định.

Tại Kết luận giám định số 01/KL-TGD ngày 15/9/2023 và Kết luận giám định bổ sung số 02/KL-TGD ngày 24/10/2023 của Tổ giám định theo vụ việc thuộc Sở Xây dựng tỉnh N đã kết luận:

Về khối lượng thực tế thi công các hạng mục công trình theo hồ sơ tổng hợp giá trị thi công, bản vẽ hiện trạng và tính toán khối lượng do Công ty TNHH Đ2 tính toán xác định phù hợp với nội dung, khối lượng theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/7/2023.

Về giá trị: Công ty Đ2 sau khi tính toán xác định khối lượng ứng với giá trị thi công xây lắp thực tế đã thực hiện tại hiện trường là tổng giá trị đã quyết toán là 1.890.260.000 đồng, đã thanh toán 1.836.900.000 đồng; giá trị thực tế thi công là 1.864.157.000 đồng; Trong đó tổng giá trị nghiệm thu, quyết toán thừa là 17.083.000 đồng (trong đó: chi phí xây dựng là 15.973.000 đồng; chi phí quản lý dự án là 513.000 đồng; chi phí tư vấn giám sát thi công là 597.000 đồng).

Như vậy Nguyễn Văn H đại diện chủ đầu tư dự án đã cùng với đơn vị thi công lập biên bản nghiệm thu, thanh quyết toán công trình trái quy định của Luật Xây dựng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 17.083.000 đồng, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Xây dựng 2014.

### **3. Đối với công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND xã M và công trình xây dựng Nhà văn hóa xã M.**

- Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã M, có tổng mức đầu tư 7.914.918.000 đồng. UBND xã ký hợp đồng với các đơn vị: Đơn vị thi công xây lắp công trình là Công ty TNHH T19 (Công ty T19); Đơn vị tư vấn giám sát là Công ty TNHH T15; Đơn vị thiết kế là Công ty TNHH T20; Đơn vị tư vấn lập báo cáo KTKT là Công ty TNHH T21. Công



trình được khởi công từ tháng 7/2016 đến tháng 1/2017 bàn giao đưa vào sử dụng;

- Công trình xây dựng Nhà văn hóa xã M, tổng mức đầu tư 5.495.285.000 đồng. UBND xã ký hợp đồng với các đơn vị: Đơn vị thi công xây lắp công trình là Công ty TNHH T19 (Công ty T19); Đơn vị tư vấn giám sát là Công ty TNHH T15; Đơn vị thiết kế và lập báo cáo KTKT là Công ty TNHH T21. Công trình được khởi công xây dựng từ tháng 12/2015 đến tháng 1/2017 bàn giao đưa vào sử dụng;

Hai công trình được thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Mặc dù công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng từ tháng 1/2017, và đã được nghiệm thu, thanh toán đầy đủ cho các gói thầu, nhưng đến nay Hoạt chưa hoàn thiện hồ sơ quyết toán.

Cả hai công trình nêu trên đều có tổng mức đầu tư trên 05 tỷ đồng do UBND xã M quyết định chủ trương đầu tư và là chủ đầu tư. Sau khi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp công trình, Nguyễn Văn H ký Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 v/v thành lập Ban Q1 xã gồm 10 thành viên (08 công chức xã và 02 chuyên viên của UBND huyện); và Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 v/v thành lập Ban quản lý dự án đối với công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở làm việc Đảng ủy- HĐND-UBND xã gồm 10 thành viên (08 công chức xã và 02 chuyên viên của UBND huyện). Ban quản lý của hai công trình trên đều do Nguyễn Văn H làm Trưởng ban.

Quá trình thực hiện các dự án, Nguyễn Văn H đã có hành vi chỉ đạo Bùi Thị Thanh H3 cấu kết với Mai Anh T1, chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy lấy danh nghĩa Công ty TNHH A1 “khống” hồ sơ Ban quản lý dự án để nghiệm thu, thanh toán chi phí quản lý dự án đối với 02 công trình rút ra số tiền 206.000.000 đồng để chia nhau và chi tiêu trái phép. Cụ thể như sau:

Từ tháng 8/2020 đến tháng 4/2021, UBND huyện có nguồn tiền cấp về hỗ trợ thanh toán cho công trình, U cho thanh toán chi phí quản lý dự án của công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy-UBND-HĐND xã là 116.000.000 đồng; công trình xây dựng nhà văn hóa xã là 90.000.000 đồng. Sau khi được phân bổ ngân sách, Nguyễn Văn H mới biết UBND xã không đủ điều kiện lập Ban quản lý dự án nên không thể lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán để rút số tiền trên về chi tiêu. Do vậy H đã chỉ đạo Bùi Thị Thanh H3 là cán bộ tài chính, kế toán tìm cách để rút số tiền này về cho xã.

Do có mối quen hệ quen biết Công ty TNHH A2 hoạt động về ngành nghề xây dựng, nên H3 đề xuất thuê đơn vị này đứng tên trong hồ sơ thanh toán chi phí quản lý dự án và được H đồng ý. H3 liên hệ với Mai Anh T1 là Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, nhờ T1 lấy danh nghĩa Công ty A2 đứng tên làm đơn vị quản lý dự án của 02 công trình. Tuyên nhận lời đề nghị của H3 và thống nhất:



sau khi được Nhà nước thanh toán cho khoản chi phí này sẽ trừ 10% GTGT, số tiền còn lại sẽ thanh toán cho Công ty C4, còn 70% giữ lại xã. H3 cung cấp cho T1 toàn bộ hồ sơ pháp lý của công trình, T1 soạn thảo các văn bản: Giấy đề nghị thanh toán, đơn chỉ định thầu, biên bản thương thảo hợp đồng, quyết định chỉ định thầu tư vấn, hợp đồng tư vấn Q2, quyết định thành lập tổ dự án, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và thanh lý hợp đồng...(thời gian lập hồ sơ công trình xây dựng Nhà văn hóa lấy từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2016; thời gian lập hồ sơ quyết toán gói thầu tư vấn QLDA công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy- UBND-HĐND xã lấy từ tháng 7/2016 đến tháng 5/2017) rồi ký giả chữ ký của ông Mai Tiến T5 - Giám đốc Công ty A2, đóng dấu Công ty rồi chuyển cho H3 lấy chữ ký của Nguyễn Văn H. UBND xã làm tờ trình và thanh toán bằng hình thức chuyển vào tài khoản của Công ty A2, sau đó T1 sẽ chuyển lại vào tài khoản của H3

Tính từ tháng 8/2020 đến tháng 4/2021, UBND xã M đã chuyển khoản cho Công ty A2 tổng số tiền là 206.000.000 đồng, trong đó: Chi phí quản lý dự án đối với công trình xây dựng Nhà văn hóa xã M là 90.000.000 đồng; đối với công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M là 116.000.000 đồng. Cụ thể các lần thực hiện thanh toán như sau:

Lần 1, vào ngày 13/8/2020: thanh toán chi phí quản lý dự án đối với 02 công trình là 180.000.000 đồng. Sau khi trừ thuế giá trị gia tăng 10% là 18.000.000 đồng, còn 162.000.000 đồng, T1 đã chuyển lại bằng tiền mặt cho H3 số tiền 70% x 162.000.000 đồng = 113.400.000 đồng; còn lại 30% của 162.000.000 đồng là 48.600.000 đồng được T1 giữ lại.

Lần 2, vào ngày 28/4/2021: thanh toán chi phí quản lý dự án công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M số tiền 26.000.000 đồng. Sau khi trừ thuế giá trị gia tăng 10% là 2.600.000 đồng, còn 23.400.000 đồng, T1 đã chuyển lại bằng tiền mặt cho H3 số tiền 70% x 23.400.000 đồng = 16.380.000 đồng; còn lại 30% của 23.400.000 đồng là 7.020.000 đồng được T1 giữ lại.

Sau 02 lần được UBND xã chuyển tiền, Mai Anh T1 đã giữ lại tổng cộng 76.220.000 đồng. Số tiền này, T1 đã sử dụng để nộp tiền thuế giá trị gia tăng 20.600.000 đồng; còn lại 55.620.000 đồng T1 sử dụng chi phí cho hoạt động của Công ty TNHH A2. Đồng thời, T1 đã chuyển lại cho UBND xã M thông qua Bùi Thị Thanh H3 tổng số tiền 129.780.000 đồng. Số tiền xã nhận được, Nguyễn Văn H chỉ đạo chi cho hoạt động tổ chức kỉ niệm 20 năm ngày thành lập xã M và hoạt động bầu cử HĐND các cấp.

Ngày 23/8/2023, Cơ quan điều tra Công an tỉnh N đã ra quyết định trưng cầu giám định số 90/QĐ-CSKT giám định chữ ký mang tên Giám đốc “Mai Tiến Thành” trên các tài liệu trong 02 quyển “Hồ sơ quyết toán gói thầu tư vấn

quản lý dự án xây dựng công trình: Nhà văn hoá xã M” đề năm 2015, 2016 và quyền “Hồ sơ quyết toán gói thầu tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã M” đề năm 2016, 2017 của Công ty TNHH A2.

Tại Kết luận giám định số 742/KL-KTHS-TL ngày 25/9/2023 của Phòng K3, Công an tỉnh N xác định:

+ Chữ ký mang tên Mai Tiến T5 dưới các mục “Công ty TNHH A2- Giám đốc” trong 02 quyển “Hồ sơ quyết toán gói thầu tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình: Nhà văn hoá xã M” đề năm 2015/2016 và quyển “Hồ sơ quyết toán gói thầu tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND – UBND xã M” đề năm 2016/2017 của Công ty TNHH A2 so với chữ ký của Mai Tiến T5 trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Mai Tiến T5 dưới các mục “Công ty TNHH A2- Giám đốc” trong 02 quyển “Hồ sơ quyết toán gói thầu tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình: Nhà văn hoá xã M” đề năm 2015/2016 và quyển “Hồ sơ quyết toán gói thầu tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND – UBND xã M” đề năm 2016/2017 của Công ty TNHH A2 so với chữ ký của Mai A Tuyên tại dòng D, dòng 5 trang 2 trên “Bản tự khai/ Bản tường trình” được viết trên mẫu in sẵn đề ngày 08/8/2023; tại dòng 5, dòng 6 trang 2 trên “Bản tự khai, bản tường trình” được viết trên mẫu in sẵn đề ngày 15/8/2023; tại dòng 3, dòng 4 trang 2 trên “Bản tự khai, bản tường trình” được viết trên mẫu in sẵn đề ngày 01/8/2023 là do cùng một người ký ra.

Như vậy: hành vi của Nguyễn Văn H, Bùi Thị Thanh H3, Mai Anh T1 lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán không chi phí quản lý dự án 02 gói thầu nêu trên đã vi phạm khoản 7 Điều 4; khoản 13 Điều 12; khoản 3 Điều 123, khoản 1 Điều 137 Luật Xây dựng năm 2014, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 206.000.000 đồng. Trong đó T1 chiếm hưởng số tiền 76.220.000 đồng, còn lại 129.780.000 đồng Nguyễn Văn H chỉ đạo chi trái phép cho các hoạt động của UBND xã.

\* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị can và những người có liên quan đã nộp lại toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây nên, trong đó: Nguyễn Văn H nộp 114.535.000, Mai A Tuyên nộp 76.220.000 đồng; Bùi Thị Thanh H3 nộp 29.780.000 đồng; Hoàng Văn C nộp 270.000.000 đồng. Trong giai đoạn truy tố, Tống Như N đã nộp số tiền 7.724.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Biên lai số 0000058 ngày 06/12/2023.

Những người trong danh sách Ban quản lý dự án đối với công trình xây dựng trụ sở Đảng ủy- HĐND- UBND xã M bao gồm: Ông Vũ Văn T6 tự nguyện giao nộp số tiền 16.115.000 đồng, ông Hoàng Ngọc H8 nộp số tiền 13.150.000 đồng, ông Lê Văn M nộp số tiền 12.800.000 đồng, ông Đinh Văn C1 nộp số tiền 11.305.000 đồng, ông Đinh Xuân T4 nộp số tiền 10.390.000 đồng, bà Vũ Thị H9 nộp số tiền 12.705.000 đồng.

\* Việc thu giữ các tài liệu do bị can giao nộp, tài liệu do các cơ quan tổ chức cung cấp liên quan đến vụ án được chuyển theo hồ sơ giải quyết cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn H, Hoàng Văn C, Bùi Thị Thanh H3, Mai Anh T1 và Tống Như N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKS-P1 ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại các điểm a, d khoản 2, khoản 4 Điều 224 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Văn C, Bùi Thị Thanh H3, Mai Anh T1, Tống Như N về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 224 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H, Hoàng Văn C, Bùi Thị Thanh H3, Mai Anh T1 và Tống Như N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Hoàng Văn C, Bùi Thị Thanh H3, Mai Anh T1 và Tống Như N phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 224; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn C từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Bùi Thị Thanh H3, Mai Anh T1 (riêng T1 áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 của BLHS) xử

phạt mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù cải tạo không giam giữ; khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng để sung ngân sách Nhà nước; thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự **huyện Y, tỉnh Ninh Bình** nhận được quyết định thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Tổng Như N** từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng để sung ngân sách Nhà nước; thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự **huyện Y, tỉnh Ninh Bình** nhận được quyết định thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ phải có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt vào ngân sách Nhà nước là **591.267.000 đồng**, đã nộp đủ.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa họ đều xác định: họ không biết **Ủy ban nhân dân xã M** không đủ điều kiện để thành lập Ban quản lý dự án các công trình xây dựng có vốn từ 5 tỷ đồng trở lên. Số tiền công họ được nhận từ thành viên Ban quản lý dự án thì trong quá trình điều tra họ đã nộp đầy đủ lại để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều rất ân hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với Kết luận giám định số: 01/KL-TGD ngày 09/01/2023; Kết luận giám định số: 01/KL-TGD ngày 15/9/2023; Kết luận giám định số: 02/KL-TGD ngày 24/10/2023 của Tổ giám định tư pháp theo vụ việc thuộc **Sở Xây dựng tỉnh N**; Kết luận giám định số: 742/KL-KTHS-TL ngày 25/9/2023 của **Phòng K3, Công an tỉnh N** cùng các vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến 2021 với chức trách nhiệm vụ được giao là chủ tịch **UBND xã M**, bị cáo **Nguyễn Văn H** là đại diện chủ đầu tư của 04 công trình xây dựng gồm: công trình xây



dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với tổng mức đầu tư 9.902.560.000 đồng; công trình xây dựng Nhà văn hóa xã với tổng mức đầu tư 5.495.285.000 đồng; công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND với tổng mức đầu tư 7.914.918.000 đồng; công trình xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu đấu giá giá trị quyền sử dụng đất xã M với tổng mức đầu tư là 1.965.128.000 đồng. Quá trình thực hiện các dự án, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thông đồng, cấu kết với một số cá nhân và doanh nghiệp tư vấn, thi công xây lắp công trình thực hiện nhiều hành vi sai phạm như: tự lập Ban quản lý dự án trái với quy định của Luật Xây dựng, lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng, lập hồ sơ nghiệm thu không chính xác về khối lượng và giá trị thi công, lập “không” hồ sơ Ban quản lý dự án để nghiệm thu, thanh toán rút tiền ngân sách chi tiêu cho cá nhân và tập thể gây thiệt hại cho Nhà nước **591.267.000 đồng**. Hành vi của bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm vào tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” thuộc trường hợp “*Vì vụ lợi và GI thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng*” quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 224 của Bộ luật Hình sự. **Hoàng Văn C** là giám đốc công ty TNHH MTV T14, **Tổng Như N** giám đốc công ty TNHH T15 đã thỏa thuận, thống nhất với bị cáo **H** - chủ đầu tư dự án “công trình xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M” lập hồ sơ tư vấn, thi công xây lắp, nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành công trình không chính xác về khối lượng và giá trị thi công, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền **277.184.000 đồng**. Bị cáo **Bùi Thị Thanh H3** với nhiệm vụ là cán bộ kế toán - tài chính xã thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo **H** cùng với bị cáo **Mai Anh T1** lập không hồ sơ nghiệm thu, thanh toán chi phí tư vấn quản lý dự án trái quy định của Luật Xây dựng đối với 02 dự án “công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã M” và “công trình xây dựng Nhà văn hóa xã M” gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền **206.000.000 đồng**. Bị cáo **Mai Anh T1** lấy danh nghĩa công ty TNHH A2 đứng tên làm đơn vị tư vấn quản lý dự án đối với 02 công trình “xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã M” và “công trình xây dựng Nhà văn hóa xã M”, cấu kết với các bị cáo **H** và **H3** lập không hồ sơ nghiệm thu, thanh toán chi phí tư vấn quản lý dự án trái quy định của Luật Xây dựng đối với 02 dự án trên gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền **206.000.000 đồng**. Hành vi của các bị cáo **Hoàng Văn C**, **Bùi Thị Thanh H3**, **Mai Anh T1** và **Tổng Như N** đã phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” thuộc trường hợp “*Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu công trình sử dụng vốn của Nhà nước trái quy định của Luật Xây dựng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 224 của Bộ luật Hình sự.



**Điều 224. Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng.**

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Quyết định đầu tư xây dựng không đúng quy định của Luật Xây dựng;
- b) Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu công trình sử dụng vốn của Nhà nước trái quy định của Luật Xây dựng;
- c) Lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng;
- d) Dàn xếp, thông đồng làm sai lệch kết quả lập dự án, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, xây dựng công trình.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 12 năm:

a). Vì vụ lợi;

.....

d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

3.....

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo **Nguyễn Văn H** cùng đồng phạm với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật được chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn Văn H** cùng đồng phạm là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, sự an toàn về xây dựng, tài sản trong quá trình thiết kế, thi công sử dụng nguyên liệu, vật liệu, máy móc, nghiệm thu công trình gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nói chung và **xã M, huyện Y** nói riêng, do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, có nhiều bị cáo tham gia, khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến vị trí, vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp:

**Nguyễn Văn H** giữ chức vụ, quyền hạn là Chủ tịch **UBND xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** - Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình trụ sở Đảng ủy - HĐND - **UBND xã M**, cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy - HĐND - **UBND xã M**,

Nhà văn hóa xã M nhưng bị cáo lại ký ban hành quyết định thành lập Ban Q1 công trình trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M trái quy định của pháp luật; chỉ đạo Đinh Xuân T4 - công chức địa chính, xây dựng, giao thông, thủy lợi xã và Bùi Thị Thanh H3 - công chức tài chính, kế toán xã thực hiện thanh, quyết toán chi phí quản lý dự án; chỉ cho các thành viên trong Ban quản lý dự án gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 91.000.000 đồng trong đó bị cáo H được hưởng lợi số tiền 14.535.000 đồng. Bên cạnh đó bị cáo đã lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp là Công ty T14, nhà thầu tư vấn, giám sát thi công là Công ty TNHH T15 không đủ điều kiện, năng lực hoạt động xây dựng, thông đồng với Hoàng Văn C - đại diện nhà thầu thi công xây lắp và Tống Như N - đại diện nhà thầu tư vấn, giám sát thi công thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán khối lượng hoàn thành công trình xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M sử dụng vốn của Nhà nước trái quy định của Luật Xây dựng, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 277.184.000 đồng. Ngoài ra bị cáo còn chỉ đạo Bùi Thị Thanh H3 câu kết với Mai Anh T1 lập “khống” 02 hồ sơ tư vấn quản lý dự án để nghiệm thu, thanh toán chi phí quản lý dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M và Nhà văn hóa xã M trái quy định của Luật Xây dựng để rút tiền chi cho các hoạt động chung của xã M gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 206.000.000 đồng và bị cáo cùng với đơn vị thi công công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu đấu giá giá trị quyền sử dụng đất xã M lập biên bản nghiệm thu, thanh quyết toán công trình trái quy định của Luật Xây dựng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 17.083.000 đồng. Hành vi của bị cáo H đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 591.267.000 đồng.

Hoàng Văn C với vai trò là Giám đốc Công ty T14, đại diện đơn vị thi công xây lắp, trong quá trình thi công, nghiệm thu, thanh toán chi phí thi công xây lắp, bị cáo đã có hành vi thông đồng với bị cáo H - Chủ tịch UBND xã M là chủ đầu tư dự án xây dựng công trình trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M và Tống Như N, Giám đốc Công ty TNHH T15 là đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng để lập hồ sơ nghiệm thu đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành công trình sử dụng vốn của Nhà nước trái với quy định của Luật Xây dựng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 277.184.000 đồng, trong đó bị cáo chiếm hưởng số tiền 269.460.000 đồng.

Bùi Thị Thanh H3 với vai trò là công chức kế toán - tài chính xã M, H3 đã thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo H câu kết với Mai Anh T1, công chức Phòng kinh tế - hạ tầng UBND huyện Y, tỉnh Ninh Bình lấy danh nghĩa Công ty TNHH A1 “khống” 02 hồ sơ tư vấn quản lý dự án để nghiệm thu, thanh toán chi phí quản lý của dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã M và Nhà văn hóa xã M trái quy định của Luật Xây dựng để

rút tiền chi cho các hoạt động chung của **xã M** gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 206.000.000 đồng, bị cáo **H3** không được hưởng lợi ích gì từ việc làm vi phạm pháp luật của mình.

**Mai Anh T1** là chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy **Y, tỉnh Ninh Bình**, bị cáo đã thành lập **Công ty TNHH A2** và nhờ anh trai là **Mai Tiến T5** đứng tên làm Giám đốc Công ty để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn xây dựng. Mặc dù bị cáo và **Công ty TNHH A2** không tham gia hoạt động xây dựng đối với dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã **M** và **Nhà văn hóa xã M** nhưng khi được bị cáo **H3** đặt vấn đề lấy danh nghĩa **Công ty TNHH A2** thực hiện tư vấn quản lý dự án nhằm rút tiền cho **UBND xã M** chi cho các hoạt động chung, bị cáo đã đồng ý và cùng với bị cáo **H3** lập “không” 02 hồ sơ tư vấn quản lý dự án để nghiệm thu, thanh toán chi phí quản lý dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã **M** và **Nhà văn hóa xã M** trái quy định của Luật Xây dựng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 206.000.000 đồng trong đó bị cáo thu lợi bất chính số tiền **76.220.000 đồng**.

**Tổng Như N** với vai trò là Giám đốc **Công ty TNHH T15**, đại diện tư vấn giám sát thi công xây dựng trong quá trình nghiệm thu, thanh toán chi phí thi công xây lắp, bị cáo đã không làm hết chức trách, nhiệm vụ của mình là phải giám sát theo đúng hợp đồng mà đã thực hiện ký nghiệm thu khối lượng thi công không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật và theo yêu cầu của thiết kế công trình đã được phê duyệt giúp cho bị cáo **C** lập hồ sơ nghiệm thu đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành công trình sử dụng vốn của Nhà nước trái với quy định của Luật Xây dựng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 277.184.000 đồng trong đó bị cáo chiếm hưởng số tiền **7.724.000 đồng**.

Từ những căn cứ trên xét vị trí, vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội thì bị cáo **Nguyễn Văn H** là Chủ tịch **UBND xã M**, đại diện chủ đầu tư, giữ vai trò chính phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất; tiếp đến xếp lần lượt các bị cáo **Hoàng Văn C**, **Bùi Thị Lan H12**, **Mai Anh T1** đồng phạm với bị cáo **H**; bị cáo **Tổng Như N** đồng phạm với vai trò giúp sức và giữ vị trí cuối trong vụ án.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo:

- Bị cáo **Nguyễn Văn H** đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước trên số tiền 100.000.000 đồng gồm; công trình xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - **UBND xã M** gây thiệt hại số tiền 277.184.000 đồng; công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - **UBND xã M** gây thiệt hại số tiền 116.000.000 đồng là tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo **H**.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử cả 5 bị cáo “*đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để “*bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Ngoài ra các bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự riêng, cụ thể như sau:

+ Bị cáo **Nguyễn Văn H** quá trình công tác được Bộ trưởng **Bộ V2** tặng bằng khen năm 2018; Tổng cục trưởng Cục Cảnh sát Thi hành án và Hỗ trợ tư pháp tặng bằng khen năm 2018; Chủ tịch **UBND tỉnh N** tặng bằng khen các năm 2015, năm 2017; là chiến sỹ thi đua cơ sở các năm 2012, 2013; Chủ tịch **UBND huyện Y** tặng giấy khen trong các năm 2011-2018; **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N** tặng giấy khen năm 2011; **Cục Thống kê tỉnh N** tặng giấy khen năm 2012; bản thân bị cáo đang điều trị bệnh đái tháo đường tuýp 2, tăng huyết áp, cơn đau thắt ngực ổn định, viêm dạ dày, trào ngược dạ dày thực quản, viêm đa dây thần kinh ngoại vi, rối loạn chuyển hóa Lipid máu, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*là người có thành tích xuất sắc trong công tác*” quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo **Hoàng Văn C** được Chủ tịch **UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Cả nước chung tay xây dựng Nông thôn mới” giai đoạn 2016-2018 **xã Y**; vợ của bị cáo là **Hoàng Hải V** hiện đang mắc bệnh CAVERNOMA phải điều trị thường xuyên tại **Bệnh viện B1, Hà Nội**.

+ Bị cáo **Bùi Thị Thanh H3** có bố chồng bị cáo là ông **Đinh Văn T11** được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì; quá trình công tác được Chủ tịch **UBND huyện Y, tỉnh Ninh Bình** tặng Giấy khen năm 2021, bị cáo đang mang thai con thứ 3.

+ Bị cáo **Mai Anh T1**, năm 2020 được tặng Chiến sỹ thi đua cơ sở; được Chủ tịch **UBND huyện Y, tỉnh Ninh Bình** tặng Giấy khen các năm 2016, 2022; đạt thành tích cao trong các cuộc thi do huyện ủy **Y** và **Tỉnh ủy N2** tổ chức. Ngoài ra, bị cáo hiện đang là người trực tiếp thờ cúng cho các Liệt sỹ **Mai Xuân T12, Mai Văn T13** và Bà mẹ Việt Nam Anh hùng là bà **Mai Thị C2**; mẹ bị cáo bà **Phạm Thị B** hiện đang điều trị bệnh Lao màng não tại **Bệnh viện P, tỉnh Ninh Bình**.

Như vậy các bị cáo **C, H3, T1** được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.



Về nhân thân: Bị cáo **Hoàng Văn C** năm 1994 bị xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng đã được xóa án tích.

Căn cứ vào phân tích, đánh giá như trên và yêu cầu, nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: cần xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** bằng loại hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thể hiện tính nhân đạo, sự khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo **Hoàng Văn C** cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Các bị cáo **Bùi Thị Thanh H3**, **Mai Anh T1**, **Tổng Như N** có việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành án cũng đủ để răn đe, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về hình phạt bổ sung: các bị cáo **H**, **H3**, **T1** và **N** phạm tội lần đầu, bị cáo **C** cùng các bị cáo trong vụ án đã khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội đã gây ra nên Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải có trách nhiệm nộp lại toàn số tiền **591.267.000 đồng** đã chiếm đoạt vào ngân sách Nhà nước thông qua nguyên đơn dân sự là **Ủy ban nhân dân huyện Y**, tỉnh Ninh Bình. Cụ thể như sau:

- Đối với số tiền **91.000.000 đồng** mà bị cáo **Nguyễn Văn H** cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được hưởng lợi: bị cáo **Nguyễn Văn H** hưởng 14.535.000 đồng, ông **Đinh Xuân T4** hưởng 10.390.000 đồng, ông **Vũ Văn T6** hưởng 16.117.000 đồng, ông **Hoàng Ngọc H8** hưởng 13.150.000 đồng, ông **Lê Văn M** hưởng 12.804.000 đồng, ông **Đinh Văn C1** hưởng 11.307.000 đồng, bà **Vũ Thị H9** hưởng 12.705.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo **H** cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nộp lại đủ số tiền trên.

- Đối với số tiền **17.083.000 đồng** bị cáo **Nguyễn Văn H** đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước từ việc lập biên bản nghiệm thu, thanh quyết toán công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu đấu giá giá trị quyền sử dụng đất **xã M**. Số tiền trên đã được **Công ty K2** nộp vào Phòng tài chính kế hoạch **huyện Y**, tỉnh **Ninh Bình** theo Kết luận của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N** như Lệnh thanh toán ngày 24/11/2023 do vậy bị cáo **H** và anh **Q** không phải nộp lại số tiền trên.



- Đối với số tiền **277.184.000 đồng** mà các bị cáo **Hoàng Văn C** và **Tổng Như N** đã chiếm hưởng sai quy định, cụ thể: Cầm chiếm hưởng số tiền 269.460.000 đồng, **C** đã nộp số tiền 270.000.000 đồng - 269.460.000 đồng còn thừa số tiền 540.000 đồng, cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Bị cáo **N** chiếm hưởng số tiền 7.724.000 đồng, đã nộp đủ.

- Đối với số tiền **206.000.000 đồng** mà các bị cáo **H**, **H3** và **T1** gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước trong đó bị cáo **T1** chiếm hưởng số tiền 76.220.000 đồng, quá trình điều tra bị cáo **T1** đã nộp lại toàn bộ số tiền trên. Riêng đối với số tiền 129.780.000 đồng bị cáo **H** đã chi trả trái phép cho các hoạt động của **UBND xã M**, các bị cáo **H** và **H3** không được hưởng lợi từ hành vi vi phạm này; ngày 20/12/2022, bị cáo **H** và **H3** đã có biên bản thỏa thuận bị cáo **H** tự nguyện nộp lại số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo **H3** nộp lại số tiền 29.780.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả của các bị cáo nên ghi nhận sự thỏa thuận trên của các bị cáo.

[7] Về quyết định, hành vi tổ tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó các hành vi, quyết định tổ tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điểm a, d khoản 2 Điều 224; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn H**;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Hoàng Văn C**;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Bùi Thị Thanh H3**, **Mai Anh T1**;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Tổng Như N**;

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Hoàng Văn C**, **Bùi Thị Thanh H3**, **Mai Anh T1** và **Tổng Như N** phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”. Xử phạt:

1.1. Bị cáo **Nguyễn Văn H** 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

1.2. Bị cáo **Hoàng Văn C** 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo **Hoàng Văn C** cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.*

1.3. Bị cáo **Mai Anh T1** 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

1.4. Bị cáo **Bùi Thị Thanh H3** 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

1.5. Bị cáo **Tổng Như N** 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo: **Mai Anh T**, **Bùi Thị Thanh H3**, **Tổng Như N**, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của từng bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

*Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.*

## **2. Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo **Nguyễn Văn H** cùng đồng phạm cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải có trách nhiệm nộp lại toàn số tiền **591.267.000 đồng** đã chiếm đoạt vào ngân sách Nhà nước thông qua nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Cụ thể như sau:

- Bị cáo **Nguyễn Văn H** phải nộp số tiền 114.535.000 đồng, đã nộp đủ.
- Bị cáo **Hoàng Văn C** phải nộp số tiền 269.460.000 đồng đối trừ đi số tiền 270.000.000 đồng bị cáo đã nộp, bị cáo được nhận lại số tiền 540.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý lại để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.
- Bị cáo **Bùi Thị Thanh H3** phải nộp số tiền 29.780.000 đồng, đã nộp đủ.
- Anh **Tạ Văn Q** phải nộp số tiền 17.083.000 đồng, đã nộp đủ.
- Bị cáo **Mai Anh T1** phải nộp số tiền 76.220.000 đồng, đã nộp đủ.

- Bị cáo **Tổng Như N** phải nộp số tiền 7.724.000 đồng, đã nộp đủ.  
- Ông **Vũ Văn T6** phải nộp số tiền 16.115.000 đồng; ông **Hoàng Ngọc H8** phải nộp số tiền 13.150.000 đồng; ông **Lê Văn M** phải nộp số tiền 12.800.000 đồng; ông **Đình Văn C1** phải nộp số tiền 11.305.000 đồng; ông **Đình Xuân T4** phải nộp số tiền 10.390.000 đồng; bà **Vũ Thị H9** phải nộp số tiền 12.705.000 đồng. Quá trình điều tra ông **T6**, ông **H8**, ông **M**, ông **C1**, ông **T4**, bà **H9** đã nộp đủ.

*Tiếp tục quản lý số tiền 567.000.000 đồng hiện đang gửi tại tài khoản của **Cục Thi án dân sự tỉnh N** tại Khóạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình theo Ủy nhiệm chi số 03 của **Công an tỉnh N** lập ngày 22/12/2023 số tiền 7.724.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000058 ngày 06/12/2023 do bị cáo **N** tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.*

**3. Án phí:** Các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Hoàng Văn C**, **Bùi Thị Thanh H3**, **Mai Anh T1** và **Tổng Như N**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- TAND cấp cao: 01 bản;
  - VKSND cấp cao: 01 bản;
  - VKSND tỉnh Ninh Bình: 03 bản;
  - Phòng Kiểm tra THA: 10 bản;
  - Phòng PC03 Công an tỉnh: 01 bản;
  - Cơ quan THAHS Công an tỉnh: 01 bản;
  - Phòng HS&NV CA tỉnh: 01 bản;
  - Bị cáo: 05 bản;
  - Người có QLNV liên quan đến vụ án: 09 bản;
  - Nguyên đơn dân sự: 01 bản;
  - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
  - Lưu hồ sơ: 02 bản;
  - Lưu tòa và HCTP: 02 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tô Văn Thịnh**

